

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quốc Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/6/2017).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2018

Số: 185 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hanel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 07 năm 2018, từ trang 05 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty ghi nhận công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G với số tiền 102.920.788.809 VND (trong đó, gốc là 86.757.000.000 VND và lãi đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2017 là 16.163.788.809 VND). Tại ngày 30/6/2018, các khoản công nợ trên đã quá hạn nhưng chưa được Công ty đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, theo đó khoản lãi dự thu với giá trị ước tính 25.611.364.040 VND cũng chưa được ghi nhận.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7, theo nguyên tắc thận trọng và mục tiêu đảm bảo an toàn tài chính: Công ty chỉ ghi nhận các khoản các khoản lãi thu được từ Cuba sau khi thu hồi hết nợ gốc trên cơ sở số tiền thực tế được phía đối tác chuyển tiền thanh toán. Theo đó, Công ty chưa trích trước lãi dự thu của Group De La Electronica của Cộng hòa Cuba. Chúng tôi không thu thập được các thư xác nhận công nợ, cũng không thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng, cũng như các điều chỉnh có thể có trên báo cáo tài chính của Công ty. Đồng thời, Công ty chưa ghi nhận chi phí tài chính (lãi trả Ngân hàng Phát triển) cho đợt thanh toán tháng 5 năm 2018 và tháng 6 năm 2018 tương ứng với doanh thu tài chính (lãi thu Cuba) với cùng số tiền ước tính là 10.612.292.711 VND do Công ty chưa nhận được tiền từ Cuba.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF, Công ty Cổ phần Hanel Mobile, Công ty Cổ phần Hanel Telecom, Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát, Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel, Công ty Xuất nhập khẩu Bắc Kạn, Công ty Cổ phần Đầu tư Hanel, Công ty Cổ phần Đào tạo Công nghệ Thăng Long. Tổng số tiền nợ gốc quá hạn khó đòi là 11.393.097.411 VND, số dự phòng phải thu khó đòi là 11.173.267.411 VND.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty chưa được đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, cụ thể:

- Công ty không thu thập được các báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư, bao gồm: Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel, Công ty Cổ phần Vé giao thông công cộng, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G và Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội. Chúng tôi không thu thập được các báo cáo tài chính của các công ty này tại thời điểm gần nhất ngày 31/12/2017, theo đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng như các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính của Công ty.
- Đối với các khoản đầu tư Công ty đã thu thập được báo cáo tài chính nhưng chưa được đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đầy đủ, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel; Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Hanel; Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel; Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel; Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel và Công ty TNHH ICD Hà Nội; Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát và Công ty CP Công nghệ thẻ Nacencom và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Tổng giá trị ước tính cần trích lập bổ sung là 18.614.484.266 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã trích trước Giá vốn tương ứng với Doanh Dự án Thales với số tiền 2.741.410.000 VND theo kế hoạch kinh doanh đã được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt để tương ứng với doanh thu đã ghi nhận. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán phù hợp để đưa ý kiến về tính chính xác của khoản chi phí trích trước trên.

Trong kỳ, căn cứ Chứng thư thẩm định Giá trị Phần tài sản của Công ty Cổ phần Hanel được phân chia theo Hợp đồng hợp tác số 05-05/HANEL-HUD3-HTKD ngày 5/5/2016 giữa Công ty TNHH MTV Hanel và Công ty CP Xây dựng HUD3 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel, trong đó bao gồm giá trị tài sản của Công ty Hanel được phân chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên là 107.630.761.325 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa ghi nhận Giá trị này vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018. Chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu phê duyệt (nếu có) liên quan đến giá trị tài sản này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 30/6/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39: Căn cứ Biên bản Nghị quyết số 07-04/2018/BBHĐQT-Hanel ngày 17/7/2018. Công ty thực hiện tạm phân phối lợi nhuận tạm ứng chia cổ tức cho cổ đông năm 2018 với số tiền 19.262.736.363 VND (tương ứng 1% theo vốn điều lệ Biên bản Nghị quyết số 07-04/2018/BBHĐQT-Hanel ngày 17/7/2018, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2019).

Như trình bày tại Thuyết minh số 40: Theo Công văn số 4125/STC-TCDN của Sở Tài chính Hà Nội ngày 20/6/2018, các khoản chi phí phạt thuế được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh từ năm 2018. Tuy nhiên, Công ty TNHH Dehaco đã điều chỉnh hồi tố các chi phí trên vào báo cáo tài chính các kỳ trước tương ứng kỳ bị tính phạt, chậm nộp; theo đó Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Dehaco và giảm khoản Phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp cùng giá trị 7.477.375.302 VND. Công ty đã gửi công văn số 242/CV-HANEL ngày 17/7/2018 lên Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Sở Tài chính Hà Nội để báo cáo về vấn đề trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Căn cứ theo Thông báo chia cổ tức, phân phối lợi nhuận kỳ báo cáo năm 2017 của các công ty trong tháng 1 và tháng 2 năm 2018 mà Công ty nhận được, Công ty đã ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính tiền cổ tức năm 2017 của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa, Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi – Hanel và Công ty Cổ phần Daeha với số tiền lần lượt là 3.460.861.461 VND, 6.825.000.000 VND và 22.146.388.721 VND.

Căn cứ Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26/10/2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận “*Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...*”. Công ty đang hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 5.318.972.805 VND là số tiền lãi tháng 5/2018 Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được Cuba, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

Vấn đề khác

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, hồ sơ bản giao từ Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3290-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		825.070.787.892	783.179.944.597
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	132.268.289.495	106.331.828.356
1. Tiền	111		132.268.289.495	88.771.106.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	17.560.721.987
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	356.141.580.409	302.026.060.410
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		356.141.580.409	302.026.060.410
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.760.377.266	297.138.823.528
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	119.976.844.156	145.346.945.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.013.153.333	2.349.379.141
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.135.000.000	3.135.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	137.635.379.777	146.307.499.229
IV. Hàng tồn kho	140	11	33.336.636.126	37.868.949.481
1. Hàng tồn kho	141		34.061.637.478	37.868.949.481
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(725.001.352)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.563.904.596	39.814.282.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	552.746.502	468.687.117
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.392.622.654	37.268.698.681
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	618.535.440	2.076.897.024
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.160.700.617.388	2.159.551.204.654
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	-	44.898.141.996
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(44.898.141.996)
II. Tài sản cố định	220		56.459.152.260	62.042.445.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	56.356.503.631	61.917.596.334
- Nguyên giá	222		168.438.370.502	168.352.511.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.081.866.871)	(106.434.915.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227		102.648.629	124.849.379
- Nguyên giá	228		133.204.500	133.204.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.555.871)	(8.355.121)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		997.502.656.609	984.802.757.324
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	997.502.656.609	984.802.757.324
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.088.541.430.673	1.090.833.035.308
1. Đầu tư vào công ty con	251		337.996.619.727	339.975.593.687
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		706.926.895.281	707.073.205.956
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.617.915.665	43.784.235.665
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.197.377.846	20.872.966.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	17.197.377.846	20.872.966.309
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.985.771.405.280	2.942.731.149.251


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.046.153.084.162	935.583.511.732
I. Nợ ngắn hạn	310		796.741.798.451	630.093.725.844
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	41.308.602.575	83.664.623.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	22.205.142.704	14.015.397.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	15.092.885.409	612.402.608
4. Phải trả người lao động	314		1.141.027.272	2.489.492.251
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.990.091.005	15.230.087.513
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	9.309.853.541	3.360.326.010
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	542.634.078.896	364.304.225.779
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	148.982.298.339	140.486.940.445
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	1.780.123.875	1.780.123.875
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.297.694.835	4.150.106.461
II. Nợ dài hạn	330		249.411.285.711	305.489.785.888
1. Phải trả người bán dài hạn	331	16	12.103.105.472	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	37.329.011.319	39.362.445.455
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	198.979.168.920	262.653.988.359
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	-	2.473.352.074
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.939.618.321.118	2.007.147.637.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.939.618.321.118	2.007.147.637.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(6.000.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.624.321.118	7.995.832.984
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	73.151.804.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	55.920.493.743
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	17.231.310.792
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.985.771.405.280	2.942.731.149.251


Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ


Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/6/2018	đến 27/6/2017 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	98.119.538.321	210.192.620.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		863.694.540	67.874.791
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	97.255.843.781	210.124.746.204
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	88.200.154.616	193.326.061.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.055.689.165	16.798.684.714
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	59.607.698.855	152.192.088.436
7. Chi phí tài chính	22	29	28.031.881.890	83.597.623.238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.379.171.742	45.925.807.076
8. Chi phí bán hàng	25	30	188.791.082	547.687.609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	21.827.536.644	18.315.595.990
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		18.615.178.404	66.529.866.313
11. Thu nhập khác	31	31	66.998.657.585	41.010.946.253
12. Chi phí khác	32	32	683.023.460	39.442.015.202
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		66.315.634.125	1.568.931.051
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		84.930.812.529	68.098.797.364
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	15.263.247.704	9.326.844.780
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(2.473.352.074)	(7.612.409.628)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		72.140.916.899	66.384.362.212

Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 27/6/2017 (trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.930.812.529	68.098.797.364
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.669.152.544	1.590.807.104
- Các khoản dự phòng	03	725.001.352	-
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.553.856.340	159.375.856
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(56.969.387.644)	(115.034.834.699)
- Chi phí lãi vay	06	23.379.171.742	45.925.807.076
- Các khoản điều chỉnh khác	07	5.628.488.134	236.117.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	64.917.094.997	976.070.208
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	93.727.802.659	209.408.206.040
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	3.807.312.003	(20.967.639.134)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.097.999.706)	(147.147.969.498)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	3.591.529.078	371.675.130
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.605.350.321)	(49.859.773.648)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.500.000.000)	(11.049.985.005)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	86.515.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(111.522.000)	(304.102.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	105.728.866.710	(18.487.002.907)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.044.798.905)	(20.464.004.153)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(140.257.000.000)	(166.243.271.293)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	95.933.444.449	157.479.797.221
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(123.425.144.017)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.461.059.264	97.493.467.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.907.295.192)	(14.247.905.757)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(6.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	30.240.686.665	186.758.689.498
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(85.420.148.210)	(259.606.156.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(55.185.461.545)	(72.847.467.335)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	27.636.109.973	(105.582.375.999)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	106.331.828.356	223.374.886.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.699.648.834)	(149.601)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	132.268.289.495	117.792.360.456


Trần Thu Loan
Người lập biểu


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ


Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 27 tháng 6 năm 2017 (ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần). Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (trong đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Quản lý khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP ĐTV và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	65,98%	65,98%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel	Hà Nội	77,76%	77,76%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ thè NACENCOMM	Hà Nội	22,74%	22,74%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Biển Bạc	Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại, dịch vụ, du lịch
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	41,49%	41,49%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Deaha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	16,62%	16,62%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Truyền dẫn, phát sóng truyền hình đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	32,14%	32,14%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vé giao thông công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty TNHH Hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty TNHH Công nghệ Hanel DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/6/2017 của Công ty TNHH MTV Hanel (giai đoạn trước khi cổ phần hóa chính thức).

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đã được điều chỉnh hồi tố. Chi tiết xem Thuyết minh số 38.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách tại Thuyết minh số 04.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Lãnh đạo đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp, Sài Đồng B: Các khoản chi phí xây dựng hệ thống thoát nước thải không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

